

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TIÊN LÃNG  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 24/2019/HNGĐ-ST  
Ngày 25-9-2019  
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIÊN LÃNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Đức Chi;

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Phạm Văn Tiến;

Ông Vũ Đình Bảng.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đặng Thị Kim Liên - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2019, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 110/2019/TLST-HNGĐ, ngày 21 tháng 5 năm 2019 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2019 (Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2019/QĐST-HNGĐ ngày 10/9/2019), giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị L, sinh năm 1976; nơi cư trú: Thôn Đ, xã T, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng, có mặt.

*Bị đơn:* Anh Phan Việt K, sinh năm 1974; nơi cư trú: Thôn Đ, xã T, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Phạm Thị L trình bày:

Chị Phạm Thị L và anh Phan Việt K kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Tiên Lãng ngày 10/4/2000. Quá trình chung sống, vợ chồng sống hoà thuận đến khoảng năm 2006 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp; mặt khác do anh K ham chơi, không quan tâm đến vợ con. Từ tháng 05/2006 đến nay, chị đã bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống, anh chị sống ly thân

và không quan tâm đến nhau. Tháng 3/2019, anh K và chị đã làm đơn thuận tình ly hôn, nhưng anh K không đến Tòa án để làm thủ tục ly hôn. Nay nhận thấy vợ chồng không thể đoàn tụ, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh K.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Phan Văn K, sinh ngày 27/02/2001 và Phan Hải T, sinh ngày 04/11/2004. Khi ly hôn, chị đề nghị Tòa án giao con nhỏ cho chị trực tiếp nuôi dưỡng; việc cấp dưỡng cho con, chị xin tự giải quyết với anh K. Con lớn đã trưởng thành, vợ chồng không phải nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Vợ chồng chị không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Phan Việt K đã được Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo yêu cầu giao nộp tài liệu, chứng cứ nhưng anh K không giao nộp văn bản ghi ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị L. Ngày 29/7/2019, Tòa án đã lấy lời khai của bà Đinh Thị L (mẹ đẻ anh K) thì được biết, bà L đã giao Thông báo thụ lý vụ án cho anh K. Sau khi xem thông báo này, anh K có nói với bà L: Chị L yêu cầu ly hôn anh cũng đồng ý. Còn về con chung, nguyện vọng của các cháu muốn ở với ai là quyền của các cháu. Về tài sản chung, anh K không nói nên bà L không biết anh chị có tài sản chung hay không.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của các đương sự như sau: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về: Thẩm quyền giải quyết; xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách của những người tham gia tố tụng; thu thập chứng cứ, xét xử vắng mặt bị đơn và các hoạt động tố tụng khác. Trình tự, thủ tục hỏi, tranh luận tại phiên tòa đã được Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định tại Chương XIV của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành nghiêm chỉnh yêu cầu của Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án; bị đơn không giao nộp văn bản ghi ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không tham gia phiên họp, phiên tòa mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2.

Về việc giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị L: Xử cho chị L được ly hôn anh K. Về con chung: Giao cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng con Phan Hải T, sinh ngày 04/11/2004. Việc cấp dưỡng cho con anh chị xin tự giải quyết. Con lớn đã trưởng thành nên anh chị không phải nuôi dưỡng. Về tài sản chung, anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra để giải quyết. Chị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Chị Phạm Thị L khởi kiện xin ly hôn anh Phan Việt K hiện đang cư trú tại: Thôn Đ, xã T, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng. Do đó, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiên Lãng.

[2] Bị đơn - anh K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 để tham gia phiên tòa, nhưng vẫn vắng mặt không vì lý do bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh K.

- Về nội dung:

[3] Quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh K được xác lập từ ngày 10/4/2000 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hoà thuận được đến tháng 5/2006 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp; mặt khác do anh K ham chơi, không quan tâm gì đến vợ con. Cũng từ tháng 5/2006 đến nay, vợ chồng ly thân, mỗi người ở một nơi và không quan tâm đến nhau. Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn, lời khai của người làm chứng, có đủ cơ sở kết luận: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh K phát sinh là do tính tình vợ chồng không hợp; mặt khác do anh K ham chơi, không quan tâm gì đến vợ con; anh chị đã ly thân nhiều năm nay. Từ những phân tích trên cho thấy tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L, cho chị được ly hôn anh K là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Anh chị có 02 con là Phan Văn K, sinh ngày 27/02/2001 và Phan Hải T, sinh ngày 04/11/2004. Khi ly hôn, chị L yêu cầu được nuôi con nhỏ. Xét thấy, từ khi anh chị sống ly thân đến nay, chị L nuôi dưỡng và chăm sóc con chu đáo; hiện nay chị L có đủ điều kiện để trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; mặt khác con chung cũng có nguyện vọng được ở với chị L. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung, căn cứ quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu của chị L giao con Phan Hải T cho chị trực tiếp nuôi dưỡng; còn con lớn Phan Văn K đã trưởng thành nên anh chị không phải nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng cho con, chị L xin tự giải quyết nên để cho anh chị tự giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Chị L xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

[6] Về án phí: Chị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án,

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị L được ly hôn anh Phan Việt K.

2. Về con chung: Giao cho chị Phạm Thị L trực tiếp nuôi dưỡng con Phan Hải T, sinh ngày 04/11/2004; thời hạn nuôi con tính từ ngày 25/9/2019 cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng cho con, anh chị xin tự giải quyết với nhau.

Không ai được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị L phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, án phí ly hôn sơ thẩm. Chị L đã nộp 300.000 đồng, tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0011506 ngày 21/5/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiên Lãng. Chị L đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết, thông báo./.

### **Nơi nhận:**

- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Tiên Lãng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- Đương sự (để thi hành);
- Chi cục THADS huyện Tiên Lãng;
- UBND xã T, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Đức Chi**

***Nơi nhận:***

- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Tiên Lãng;
- Đương sự (để thi hành);
- Chi cục THADS huyện Tiên Lãng;
- UBND xã Tuần Hưng, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Đức Chi**

